

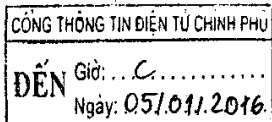
TTO

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 135/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2015



**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;*

*Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết về hoạt động đầu tư ra nước ngoài dưới hình thức mua, bán chứng khoán, các giấy tờ có giá khác hoặc đầu tư thông qua các quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài (sau đây gọi là đầu tư gián tiếp ra nước ngoài).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Nhà đầu tư gồm các đối tượng sau:

a) Tổ chức kinh tế theo quy định tại Khoản 16 Điều 3 Luật Đầu tư;

b) Cá nhân có quốc tịch Việt Nam thuộc đối tượng được tham gia chương trình thưởng cổ phiếu phát hành ở nước ngoài.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước tham gia quản lý hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định tại Nghị định này.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

4. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư) không được thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định tại Nghị định này.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài là hoạt động đầu tư ra nước ngoài dưới hình thức mua, bán chứng khoán, các giấy tờ có giá khác hoặc đầu tư thông qua các quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài.

2. Công cụ đầu tư là loại chứng khoán, giấy tờ có giá khác được phép đầu tư ở nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài là việc tổ chức được phép tự doanh thực hiện mua, bán chứng khoán và giấy tờ có giá khác ở nước ngoài hoặc đầu tư thông qua các quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài cho chính mình.

4. Ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài là việc tổ chức kinh tế (sau đây gọi là tổ chức ủy thác) giao vốn bằng ngoại tệ cho tổ chức được phép nhận ủy thác đầu tư ở trong nước (sau đây gọi là tổ chức nhận ủy thác) thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài thông qua hợp đồng ủy thác đầu tư.

5. Hợp đồng ủy thác đầu tư là thỏa thuận bằng văn bản giữa tổ chức ủy thác và tổ chức nhận ủy thác về việc tổ chức ủy thác giao vốn bằng ngoại tệ cho tổ chức nhận ủy thác thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

6. Tỷ lệ đầu tư an toàn là tỷ lệ tối đa được phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) của quy mô vốn, tài sản của tổ chức tự doanh.

7. Tổng hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hàng năm là tổng số ngoại tệ tối đa của nền kinh tế được sử dụng để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định tại Nghị định này.

8. Hạn mức tự doanh là số tiền bằng ngoại tệ tối đa hàng năm mà tổ chức tự doanh được sử dụng để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

9. Hạn mức nhận ủy thác là số tiền bằng ngoại tệ tối đa hàng năm mà tổ chức nhận ủy thác được phép nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

10. Đăng ký hạn mức tự doanh là việc tổ chức tự doanh thực hiện đăng ký hạn mức tự doanh với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

11. Xác nhận đăng ký hạn mức tự doanh là việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận bằng văn bản về việc tổ chức tự doanh đã thực hiện đăng ký hạn mức tự doanh.

12. Đăng ký hạn mức nhận ủy thác là việc tổ chức nhận ủy thác thực hiện đăng ký hạn mức nhận ủy thác với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13. Xác nhận đăng ký hạn mức nhận ủy thác là việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận bằng văn bản về việc tổ chức nhận ủy thác đã thực hiện đăng ký hạn mức nhận ủy thác.

14. Chương trình thưởng cổ phiếu phát hành ở nước ngoài là chương trình của tổ chức nước ngoài thưởng cổ phiếu cho người lao động làm việc trong các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

15. Ngoại tệ tự có trên tài khoản là ngoại tệ tự có hợp pháp của nhà đầu tư, không phải ngoại tệ đi mua và vay từ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép cung ứng dịch vụ ngoại hối tại Việt Nam.

#### **Điều 4. Áp dụng pháp luật liên quan, điều ước quốc tế, pháp luật nước ngoài, tập quán quốc tế**

1. Hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài thông qua tổ chức nhận ủy thác ở trong nước phải tuân thủ quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Nghị định này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

#### **Điều 5. Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của cá nhân**

1. Nhà đầu tư là cá nhân có quốc tịch Việt Nam chỉ được thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài dưới hình thức tham gia chương trình thưởng cổ phiếu phát hành ở nước ngoài.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cụ thể về:

a) Quy trình, thủ tục, nội dung thực hiện chương trình thưởng cổ phiếu của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Phương thức thực hiện, các nội dung khác liên quan đến việc tham gia chương trình thưởng cổ phiếu của cá nhân người lao động Việt Nam làm việc trong các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.

#### **Điều 6. Phương thức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài**

Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của tổ chức kinh tế được thực hiện theo các phương thức sau:

1. Tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.
2. Ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

#### **Điều 7. Hình thức đầu tư gián tiếp ở nước ngoài**

Tổ chức tự doanh, tổ chức nhận ủy thác được đầu tư gián tiếp ở nước ngoài theo các hình thức sau:

1. Trực tiếp mua, bán chứng khoán, các giấy tờ có giá khác ở nước ngoài.
2. Đầu tư thông qua việc mua, bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ở nước ngoài, ủy thác đầu tư cho các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài.

#### **Điều 8. Công cụ đầu tư**

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cụ thể về loại, tiêu chí lựa chọn công cụ đầu tư ở nước ngoài trong từng thời kỳ.
2. Nhà đầu tư chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các công cụ đầu tư do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
3. Tổ chức tự doanh, tổ chức nhận ủy thác là ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp chỉ được tự doanh đầu tư, nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào công cụ đầu tư là trái phiếu, các công cụ trên thị trường tiền tệ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

#### **Điều 9. Các trường hợp đầu tư khác**

1. Hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt của tổ chức kinh tế do nhà nước sở hữu từ 65% vốn điều lệ trở lên, tổ chức kinh tế khác thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài với tổng mức đầu tư từ 800 tỷ đồng trở lên không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Khoản 4, Khoản 5 Điều 10 và Điều 13 Nghị định này do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định các trường hợp đầu tư gián tiếp ra nước ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thủ tục đầu tư gián tiếp ra nước ngoài đối với các trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép quy định tại Khoản 1 Điều này.

#### **Điều 10. Nguồn vốn để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài**

1. Tổ chức tự doanh (trừ ngân hàng thương mại và công ty tài chính tổng hợp) được sử dụng ngoại tệ tự có trên tài khoản và ngoại tệ mua từ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép cung ứng dịch vụ ngoại hối tại Việt Nam theo hạn mức tự doanh được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận đăng ký để thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

2. Tổ chức ủy thác (trừ ngân hàng thương mại và công ty tài chính tổng hợp) chỉ được sử dụng ngoại tệ tự có trên tài khoản để thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài thông qua hình thức ủy thác cho tổ chức nhận ủy thác.

3. Ngân hàng thương mại, công ty tài chính tổng hợp tự cân đối nguồn ngoại tệ để thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định về trạng thái ngoại tệ, các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng.

4. Nhà đầu tư không được sử dụng nguồn vốn vay bằng đồng Việt Nam từ tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để mua ngoại tệ đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

5. Nhà đầu tư không được sử dụng nguồn vốn vay ngoại tệ trong nước và nước ngoài để đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

#### **Điều 11. Mở tài khoản để tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài**

1. Mở tài khoản ngoại tệ để tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:

a) Tổ chức tự doanh phải mở 01 (một) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp ra nước ngoài bằng ngoại tệ tại 01 (một) ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép cung ứng dịch vụ ngoại hối tại Việt Nam để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (không áp dụng đối với tổ chức tự doanh là công ty đầu tư chứng khoán và quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài thông qua công ty quản lý quỹ);

b) Trường hợp tổ chức tự doanh là quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài thông qua công ty quản lý quỹ thì công ty quản lý quỹ phải mở 01 (một) tài khoản vốn đầu tư